



Cảnh báo



- Các sản phẩm của Daikin được sản xuất để xuất khẩu sang rất nhiều nước trên toàn thế giới. Trước khi mua hàng, hãy xác nhận với nhà nhập khẩu, nhà phân phối và/hoặc nhà bán lẻ được ủy quyền tại địa phương để biết sản phẩm có tuân theo các tiêu chuẩn có thể áp dụng, và phù hợp sử dụng ở vùng mà sản phẩm sẽ được sử dụng. Với quan điểm này, chúng tôi không có ý ngăn chặn, hạn chế hay thay đổi việc áp dụng bất kỳ quy định pháp luật nào tại địa phương.
- Hãy yêu cầu một nhà thầu hay người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt thiết bị này. Không cố tự lắp đặt thiết bị vì lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
- Chỉ sử dụng linh kiện hay phụ tùng thay thế do Daikin chỉ dẫn hoặc cung cấp. Hãy yêu cầu một nhà thầu hoặc người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt các linh kiện, phụ tùng thay thế. Sử dụng các linh kiện hay phụ tùng thay thế không được phép hay lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Sách hướng dẫn sử dụng có cung cấp các hướng dẫn an toàn và cảnh báo quan trọng. Phải tuyệt đối tuân thủ theo những chỉ dẫn này.

Liên hệ với nhà nhập khẩu, nhà phân phối và/hoặc nhà bán lẻ tại địa phương khi có yêu cầu.

### Lưu ý về sự ăn mòn sản phẩm

1. Không nên lắp đặt máy điều hòa không khí tại những nơi sinh ra khí ăn mòn như khí axit hoặc kiềm.
2. Nếu dàn nóng được lắp gần bờ biển, nên tránh vị trí đón gió biển trực tiếp. Nếu bạn muốn lắp dàn nóng gần bờ biển, hãy liên hệ với nhà phân phối tại địa phương.



JMI-0107

Organization:  
DAIKIN INDUSTRIES, LTD.  
AIR CONDITIONING MANUFACTURING DIVISION

Scope of Registration:  
THE DESIGN/DEVELOPMENT AND MANUFACTURE OF  
COMMERCIAL AIR CONDITIONING, HEATING, COOLING,  
REFRIGERATING EQUIPMENT, HEATING EQUIPMENT,  
RESIDENTIAL AIR CONDITIONING EQUIPMENT, HEAT  
RECLAIM VENTILATION, AIR CLEANING EQUIPMENT,  
COMPRESSORS AND VALVES.



JQA-1452

Organization:  
DAIKIN INDUSTRIES  
(THAILAND) LTD.

Scope of Registration:  
THE DESIGN/DEVELOPMENT  
AND MANUFACTURE OF AIR  
CONDITIONERS AND THE  
COMPONENTS INCLUDING  
COMPRESSORS USED FOR THEM



EC99J2044

All of the Daikin Group's business  
facilities and subsidiaries in Japan  
are certified under the ISO 14001  
international standard for  
environment management.

Đại lý phân phối



### CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

**VĂN PHÒNG CHÍNH**  
Tầng 14-15, tòa nhà Nam Á,  
201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP Hồ Chí Minh  
Tel: (08) 62 504 888 Fax: (08) 62 504 999

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**  
Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower,  
1 Đảo Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội  
Tel: (04) 35 657 677 Fax: (04) 35 657 688

**CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
Số 7 lô 8A đường Lê Hồng Phong,  
P. Đồng Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng  
Tel: (031) 383 2900 Fax: (031) 383 2909

**CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**  
Tầng 12, tòa nhà PVcomBank,  
Lô A2.1, Đường 30/4, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
Tel: (0511) 362 4250 Fax: (0511) 362 4251

**CHI NHÁNH CẦN THƠ**  
37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An,  
P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ  
Tel: (0710) 626 9977 Fax: (0710) 625 8959

www.daikin.com.vn

● Các đặc tính kỹ thuật, kiểu dáng và thông tin trong cuốn sách này có thể thay đổi mà không cần báo trước.

© All rights reserved  
Printed in Vietnam 06/16/001 DAV

## Mang lại sự thoải mái và tiện nghi cho căn hộ của bạn.



# SUPER MULTI NX



Máy điều hòa không khí Multi-Split  
Sử dụng công nghệ biến tần DC  
Hai chiều lạnh/sưởi (50Hz)

INVERTER

R-410A

# Giải pháp điều hòa không khí khắp nhà chỉ với duy nhất một dàn nóng

Tạo sự hài hòa với các thiết kế kiến trúc trong nhà.

Tạo thêm khoảng không cho bạn công căn hộ.

Đem đến cho gia đình sự tiện nghi khắp mọi phòng trong nhà.

## Sản phẩm Super Multi NX - Sự lựa chọn hoàn hảo cho căn hộ của bạn.

Sản phẩm Super Multi NX giúp nâng cao hiệu suất của hệ thống điều hòa không khí cho nhiều phòng bằng cách kết nối 5 dàn lạnh với 1 dàn nóng. Dòng sản phẩm này có mẫu mã dàn lạnh đa dạng phù hợp với mọi kiểu trúc giúp bạn dễ dàng tạo ra không gian nội thất phù hợp sở thích cá nhân. Với duy nhất một dàn nóng nhỏ gọn, hệ thống giúp tận dụng tối đa khoảng không gian sẵn có tại nơi lắp đặt, chẳng hạn như ngoài ban công nhà. Các dàn lạnh được bố trí ở khắp nơi trong nhà như phòng khách, phòng học, phòng ngủ,... có thể điều chỉnh độc lập, đáp ứng từng sở thích riêng của mỗi thành viên trong gia đình. Dòng sản phẩm Super Multi NX tạo nên sự tiện nghi lẫn phong cách sống chính trong ngôi nhà của bạn.

### Nội dung

Tổng quan	3
Đặc điểm chính	5
Dòng sản phẩm	9
Tính năng	15
Thông số kỹ thuật	21
Phụ kiện tùy chọn	23
Bảng thông số công suất	24

# Đặc điểm ưu việt của dòng sản phẩm Super Multi NX

Hãy tận hưởng sự tiện nghi và sang trọng mà bạn hằng mong ước.

## Công nghệ thông minh

Với động cơ DC, máy nén Swing và các công nghệ tiên tiến khác giúp thiết bị nâng cao hiệu suất năng lượng khi làm việc và đạt được hệ số COP cao.

## Môi trường sống lý tưởng

Chế độ làm việc êm ái và công nghệ biến tần DC Inverter tiên tiến, mang lại hiệu suất hoạt động vượt trội, tạo ra một môi trường sống thoải mái.

## Linh hoạt với thiết kế nội ngoại thất

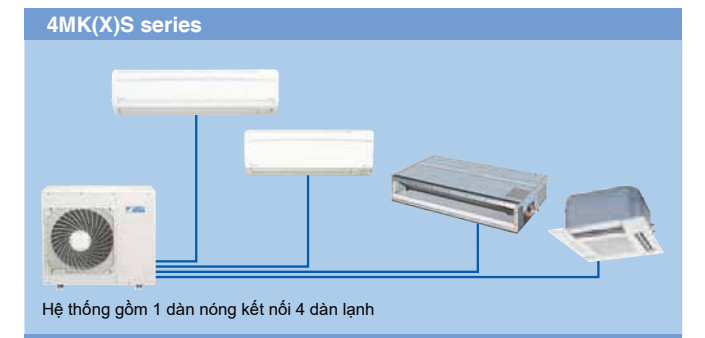
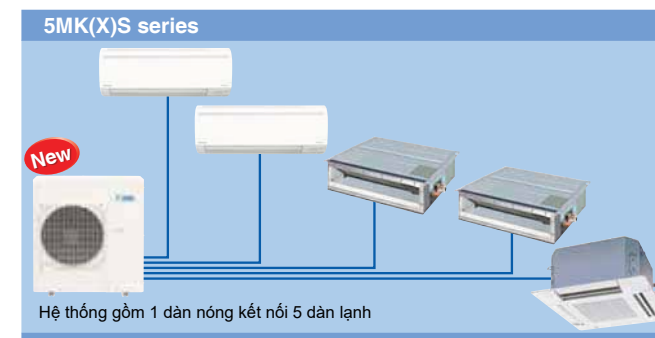
Dàn lạnh thiết kế đơn giản và tinh tế, hài hòa với mọi không gian trong ngôi nhà, giảm khoảng không gian lắp đặt khi dùng duy nhất một dàn nóng nhỏ gọn và tăng cường sự linh động khi lắp đặt với các đường ống dẫn dài.

## Điều Khiển độc lập

Các dàn lạnh được bố trí mỗi phòng riêng biệt, có thể được điều khiển độc lập. Chức năng hoạt động riêng biệt này làm cho việc sử dụng máy trở nên tiện ích và dễ dàng hơn.

# SUPER MULTI NX

Năm 1969, Daikin đã phát triển hệ thống điều hòa không khí cho nhiều phòng với duy nhất một dàn nóng duy nhất ở Nhật Bản. Trải qua hơn 40 năm, sản phẩm của Daikin đã tạo dựng được uy tín đáng nể bằng việc không ngừng cải tiến công nghệ. Dòng sản phẩm Super Multi NX chỉ cần duy nhất một dàn nóng để duy trì sự tiện nghi thoải mái cho 5 phòng. Đây là một sự lựa chọn lý tưởng đối với những nơi có khoảng không gian lắp đặt dàn nóng chật hẹp. Việc cài đặt cho máy điều hòa ở mỗi phòng có thể được thực hiện độc lập, tương ứng với nhu cầu riêng biệt của mỗi người. Ngoài việc tối ưu hóa sự tiện nghi cá nhân, sản phẩm Super Multi NX còn áp dụng công nghệ DC biến tần để làm giảm thất thoát năng lượng.



Hệ thống một dàn nóng kết nối 5 dàn lạnh

Công nghệ thông minh

Hiệu suất năng lượng cao với các công nghệ tiên tiến giúp đạt được hệ số COP cao



Tiết kiệm năng lượng tối đa

5MXS100LVMA

	Chế độ làm lạnh	Chế độ sưởi
COP	3.65	4.58

\* Trong suốt quá trình làm việc của 5 dàn lạnh (Công suất 2.0 + 2.0 + 2.0 + 2.0 + 2.0 kW).

COP là gì?

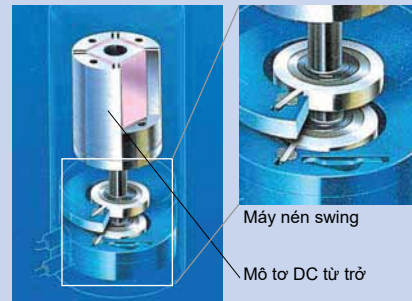
Hệ số COP của máy điều hòa không khí cho biết mức tiết kiệm điện hiệu quả trong tiêu thụ năng lượng của thiết bị. Hệ số COP cao nghĩa là hiệu suất năng lượng lớn

$$COP = \frac{\text{Công suất (W)}}{\text{Công suất điện tiêu thụ (W)}}$$

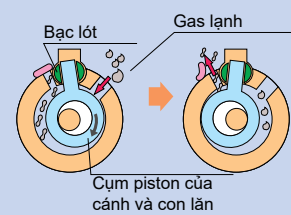


Công nghệ tiết kiệm điện năng Daikin INVERTER

1 Máy nén swing

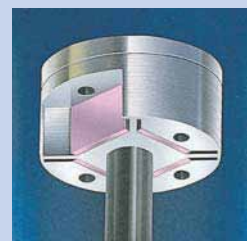


Với chuyển động êm ái, máy nén swing giảm ma sát và rung động. Nó cũng ngăn ngừa việc rò rỉ môi chất lạnh trong quá trình nén. Những lợi thế này tạo ra sự làm việc êm ái và làm tăng hiệu suất.



Máy nén swing có thể làm giảm rung động và tiếng ồn khi làm việc do piston chuyển động nhẹ nhàng hơn bên trong máy nén.

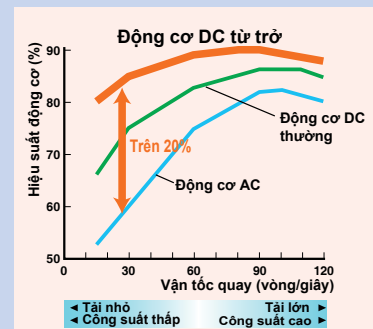
2 Động cơ DC từ trở



Các dòng sản phẩm Daikin DC inverter được trang bị động cơ điện một chiều kiểu từ trở cho máy nén. Động cơ này sử dụng 2 kiểu mô men quay khác nhau: nam châm neodimium\*1 và mô men từ trở\*2, giúp tiết kiệm điện năng do phát ra công suất lớn hơn với một mức năng lượng điện nhỏ hơn so với động cơ xoay chiều hoặc động cơ điện một chiều thông thường.

Nam châm neodimium được dùng trong khu vực màu hồng

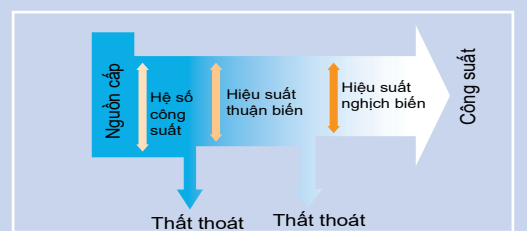
\*1. Nam châm neodimium mạnh hơn gấp x10 lần so với nam châm ferrite tiêu chuẩn.  
\*2. Mô men quay được sinh ra do sự thay đổi mức năng lượng giữa các bộ phận nam châm và sắt.



Ghi chú: Các thông số trên dựa trên những nghiên cứu được thực hiện tại phòng thí nghiệm Daikin

3 Điều khiển biến điện áp biên độ xung

Giúp làm giảm thất thoát năng lượng bằng cách điều khiển số lần đóng/ngắt của bộ chuyển đổi dòng điện.



Những tính năng tiện lợi tạo ra môi trường sống lý tưởng



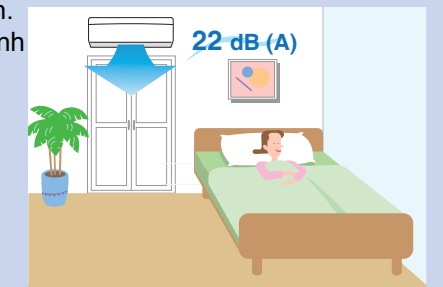
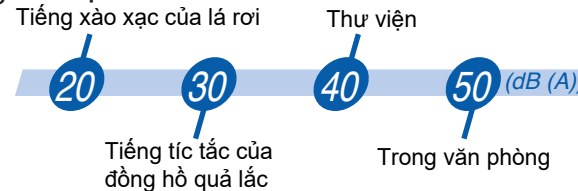
Môi trường sống lý tưởng

Hoạt động êm ái

Dàn lạnh

Một dàn lạnh êm ái là yếu tố quan trọng để tạo ra sự tiện nghi cá nhân. Sản phẩm Super Multi NX đạt độ ồn chỉ 22 dB(A) trong chế độ Dàn lạnh hoạt động êm đối với model FTXS25 khi làm lạnh. Ghi chú: Công suất có thể giảm khi lựa chọn chế độ vận hành êm.

22dB(A) là ngưỡng êm ái mà bạn có thể nghe được cả lời thì thầm



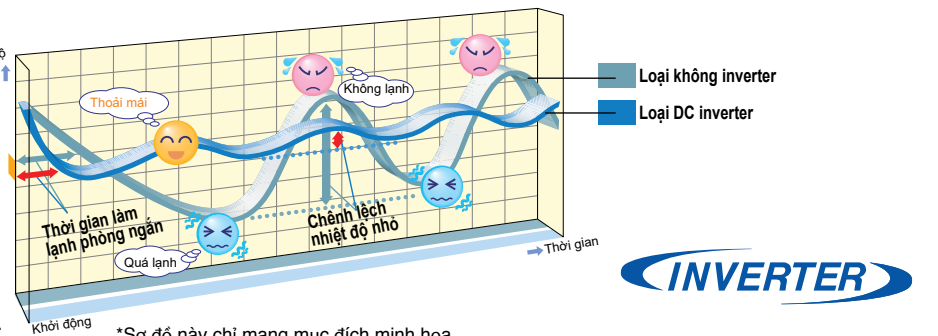
Dàn nóng

Một dàn nóng hoạt động êm ái là yếu tố tạo ra sự tiện nghi và cảm tình của hàng xóm. Sản phẩm Super Multi NX đạt độ ồn ở chế độ Dàn nóng vận hành êm là 45 dB(A) trong quá trình làm lạnh đối với model 2MXS50. Độ ồn tối thiểu của dàn nóng là 44 dB(A)\*

\* Giá trị đạt được khi cùng lựa chọn chế độ dàn nóng và dàn lạnh hoạt động êm cho tất cả các dàn lạnh. Ghi chú: Công suất có thể giảm khi chọn chức năng hoạt động êm.

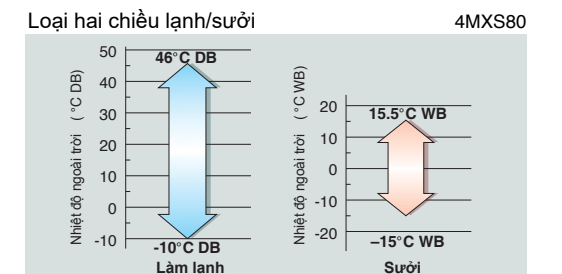
Điều khiển nhiệt độ thoải mái

Máy điều hòa không khí Không Inverter vận hành đơn giản bằng cách bật/tắt liên tục, bật khi nhiệt độ tăng cao và tắt khi đạt nhiệt độ cài đặt. Trong khi đó máy Inverter hoạt động bằng cách giảm công suất máy để duy trì nhiệt độ cài đặt. Nhờ đó, máy điều hòa không khí Inverter tiết kiệm năng lượng hơn và không gây sự chênh lệch nhiệt độ lớn như máy Không Inverter.



Dãy hoạt động rộng

Sản phẩm Super Multi NX có thể vận hành làm lạnh ngay cả khi nhiệt độ ngoài trời thấp. Ghi chú: Thông tin này dành cho model hai chiều lạnh/sưởi.



Tính linh hoạt đối với nội và ngoại thất

Mẫu mã phong phú, kiểu dáng trang nhã phù hợp với mọi không gian nội thất.



Điều khiển độc lập ở mỗi phòng phù hợp với lối sống riêng.

Điều khiển độc lập



Mẫu mã dàn lạnh theo phong cách trang nhã



Dàn lạnh treo tường được thiết kế mặt nạ phẳng tạo ra nét hài hòa tinh tế cho các bài trí trong phòng.



Chỉ cần khoảng không 240mm cho máy lắp đặt trên trần.



Thiết kế đơn giản nhỏ gọn dễ kết hợp với các kiểu phòng.

Dàn nóng nhỏ gọn, giảm bớt cản trở cho không gian bên ngoài

Hệ thống chỉ duy nhất 1 dàn nóng. Với thiết kế nhỏ gọn, việc lắp đặt mang tính linh hoạt, ít chiếm chỗ, giảm bớt cản trở cho không gian bên ngoài.



Chỉ cần duy nhất 1 dàn nóng - giúp không gian bên ngoài thoáng đãng.

Kích thước đường ống dài, linh hoạt trong lắp đặt

Giới hạn chiều dài đường ống lên đến 80m cho phép thoải mái bố trí máy, tối ưu hóa không gian bên ngoài nhà.

Tên model		2MXS50F	3MXS52E	3MXS68E	4MXS80E	5MXS100L
Chiều dài ống tối đa	Toàn bộ	30 m	50 m	60 m	70 m	80 m
	Cho mỗi phòng	20 m		25 m		30 m



Chế độ ưu tiên

Cài đặt ban đầu khi lắp đặt



Cài đặt ưu tiên giúp tạo ra công suất ưu tiên cho phòng ưu tiên khi sử dụng hệ thống điều hòa không khí loại nhiều dàn lạnh. Sau khi lựa chọn phòng ưu tiên máy điều hòa không khí sẽ nhận chế độ làm việc và điều khiển ưu tiên thông qua 3 chức năng bên dưới.

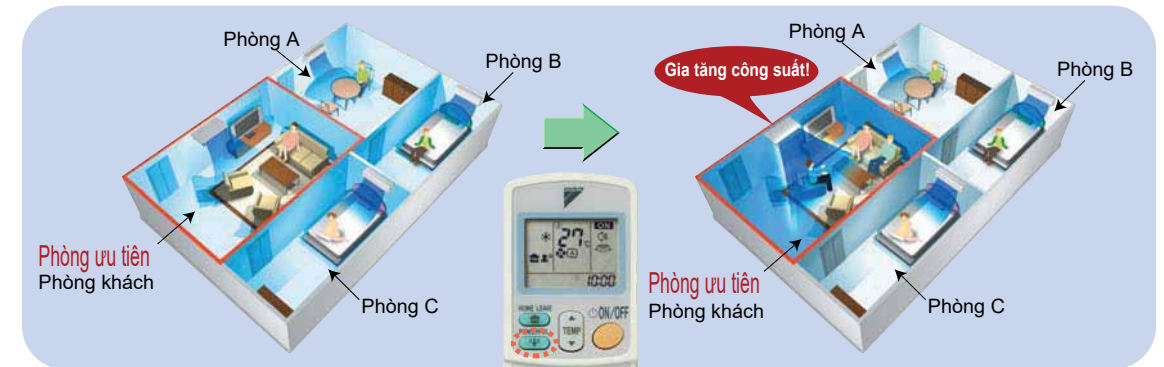
\* Model 2MXS50F không bao gồm tính năng này

1 Cài đặt ưu tiên với chế độ inverter hoạt động mạnh mẽ



Khi lựa chọn chế độ inverter hoạt động mạnh mẽ tại phòng ưu tiên, công suất dàn lạnh tại phòng ưu tiên gia tăng nhờ công suất từ các dàn lạnh của phòng khác chuyển sang. Sau 20 phút, tất cả các dàn lạnh tự động trở về cài đặt ban đầu.

Ghi chú: công suất ở những phòng khác sẽ giảm nhẹ.



2 Cài đặt ưu tiên với chế độ hoạt động

Chế độ hoạt động (làm lạnh/sưởi) của dàn lạnh tại phòng ưu tiên sẽ được ưu tiên. Khi chế độ hoạt động của dàn lạnh ở các phòng còn lại khác với dàn lạnh được ưu tiên khác với dàn lạnh tại phòng ưu tiên, các dàn lạnh đó sẽ ở chế độ chờ.

Ghi chú: Không thể thay đổi chế độ hoạt động từ các phòng khác.

3 Cài đặt ưu tiên với chế độ dàn nóng hoạt động êm



Cài đặt phòng ưu tiên cũng cho phép lựa chọn chế độ dàn nóng hoạt động êm bằng 1 lệnh\* từ phòng ưu tiên.

\* Nếu chưa cài đặt khi cài đặt phòng ưu tiên, có thể ấn chọn chế độ dàn nóng hoạt động êm từ điều khiển từ xa cho tất cả các dàn lạnh đang làm việc tại thời điểm đó.

Các bộ điều khiển từ xa tiện lợi

Hệ thống các mẫu điều khiển phong phú cho phép điều khiển riêng biệt các thông số như nhiệt độ, lưu lượng gió và thời gian hoạt động.

Điều khiển từ xa không dây



Điều khiển trung tâm loại 5 phòng (Phụ kiện tùy chọn)

Điều khiển từ xa trung tâm (Phụ kiện tùy chọn)

Điều khiển Bật/tắt hợp nhất (Phụ kiện tùy chọn)

Mẫu mã đa dạng phong phú, tạo sự tiện nghi và thoải mái tuyệt vời


Dàn nóng

Model	Tên model	Dãy công suất	Chiều dài ống tối đa	Chênh lệch độ cao tối đa	
Kết nối với 2 dàn lạnh 	Hai chiều lạnh/sưởi	2MXS50FV1B	5.0 kW	30 m	15 m
	Hai chiều lạnh/sưởi	3MXS52EVMA	5.2 kW	50 m	15 m
Kết nối với 3 dàn lạnh 	Hai chiều lạnh/sưởi	3MXS68EVMA	6.8 kW	60 m	15 m

Dàn lạnh

Model	Dãy công suất	2.5 kW	3.5 kW
Treo tường 	Hai chiều lạnh/sưởi	FTXS25EVMA	FTXS35EVMA
	Hai chiều lạnh/sưởi	FTX25GV1B	FTX35GV1B
Nối ống gió  Chiều rộng 700mm	Hai chiều lạnh/sưởi	CDXS25EAVMA	CDXS35EAVMA
	Hai chiều lạnh/sưởi	FDXS25CVMA	FDXS35CVMA
Cassette âm trần đa hướng thổi nhỏ gọn  Phụ kiện tùy chọn	Hai chiều lạnh/sưởi	FFQ25BV1B	FFQ35BV1B

Dàn nóng

Model	Tên model	Dãy công suất	Chiều dài ống tối đa	Chênh lệch độ cao tối đa	
Kết nối với 4 dàn lạnh 	Hai chiều lạnh/sưởi	4MXS80EVMA	8.0 kW	70 m	15 m
	Hai chiều lạnh/sưởi	5MXS100LVMA	10.0 kW	80 m	15 m

Dàn lạnh

Model	Dãy công suất	2.0 kW	2.5 kW	3.5 kW	5.0 kW	6.0 kW	7.1 kW	
Treo tường 	Hai chiều lạnh/sưởi	FTXS20DVMA	FTXS25EVMA	FTXS35EVMA				
	Hai chiều lạnh/sưởi				FTXS50FVMA	FTXS60FVMA	FTXS71FVMA	
Nối ống gió  Chiều rộng 700mm	Hai chiều lạnh/sưởi		CDXS25EAVMA	CDXS35EAVMA				
	Hai chiều lạnh/sưởi				FDXS25CVMA	FDXS35CVMA	FDXS50CVMA	FDXS60CVMA
Cassette âm trần đa hướng thổi nhỏ gọn  Phụ kiện tùy chọn	Hai chiều lạnh/sưởi				FFQ25BV1B	FFQ35BV1B	FFQ50BV1B	FFQ60BV1B

Các kết nối dàn nóng và dàn lạnh

Model	Dãy công suất	2.0 kW	2.5 kW	3.5 kW	5.0 kW	6.0 kW	7.1 kW
Hai chiều lạnh/sưởi							
3MXS52E		●	●	●	●		
3MXS68E		●	●	●	●	●	
4MXS80E		●	●	●	●	●	●
5MXS100L		●	●	●	●	●	●

# Treo tường



Dòng 2.0 kW    Dòng 2.5 kW    Dòng 3.5 kW

Hai chiều lạnh/sưởi    FTXS20DVMA    FTXS25EVMA    FTXS35EVMA



Dòng 5.0 kW    Dòng 6.0 kW    Dòng 7.1 kW

Hai chiều lạnh/sưởi    FTXS50FVMA    FTXS60FVMA    FTXS71FVMA



Dòng 2.5 kW    Dòng 3.5 kW

Hai chiều lạnh/sưởi    FTX25GV1B    FTX35GV1B



## Vận hành êm

Các loại máy treo tường đạt được mức âm thanh êm ái với độ ồn 22 dB(A) khi lựa chọn chế độ dàn lạnh hoạt động êm.

(Cao/Thấp/Cực êm)

FTXS20D/25E    FTXS35E    FTX25G    FTX35G

37/25/22 dB (A)    38/26/23 dB (A)    40/26/22 dB (A)    41/27/23 dB (A)

Trong hoạt động làm lạnh

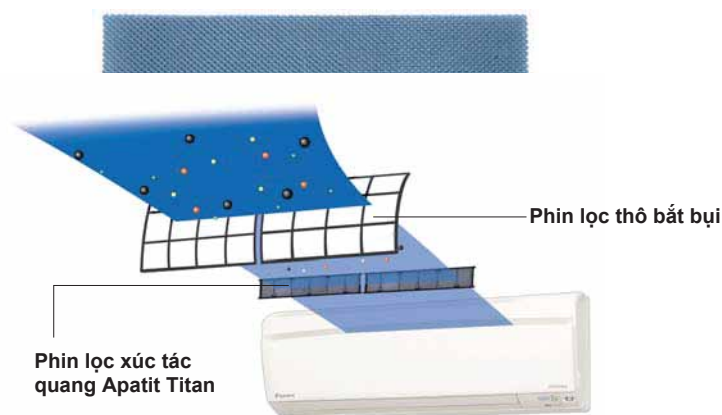


## Làm sạch không khí

Sử dụng phin lọc xúc tác quang Apatit Titan. Apatit Titan là một vật liệu quang hóa có khả năng hấp thụ cao. Hiệu quả trong việc hấp thụ và loại bỏ vi khuẩn.

Những phin lọc này không phải là thiết bị y tế. Các lợi ích như hấp thụ và phân hủy vi khuẩn và vi rút chỉ có tác dụng đối với một số chất tiếp xúc trực tiếp với phin lọc xúc tác quang Apatit titan.

Kiểm nghiệm loại bỏ vi khuẩn  
Phương pháp kiểm nghiệm: phương pháp nhỏ giọt  
Chứng nhận kết quả: Số. 012553-1 và 012553-2  
Tổ chức kiểm nghiệm: Tổ chức giám định Spinners Nhật Bản



# Giấu trần nổi ống gió



Dòng 2.5 kW    Dòng 3.5 kW    Dòng 5.0 kW    Dòng 6.0 kW

<Loại chiều rộng 700mm>

Hai chiều lạnh/sưởi    CDXS25EAVMA    CDXS35EAVMA

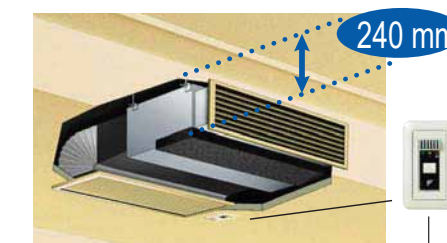
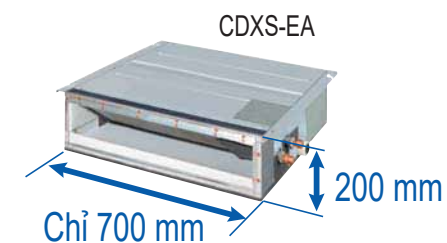
<Loại chiều rộng 900/1,100mm>

Hai chiều lạnh/sưởi    FDXS25CVMA    FDXS35CVMA    FDXS50CVMA    FDXS60CVMA



## Kiểu dáng thanh mảnh và nhỏ gọn

Các model trong series CDXS-EA chỉ rộng 700mm và nặng 21 kg, dễ dàng lắp đặt ở những không gian giới hạn. Chỉ với 200mm chiều cao, tất cả các model có thể được lắp đặt ở các phòng có chiều sâu trần giới hạn ở mức 240mm giữa trần giạt cấp và tấm trần.

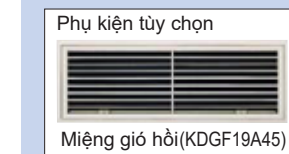
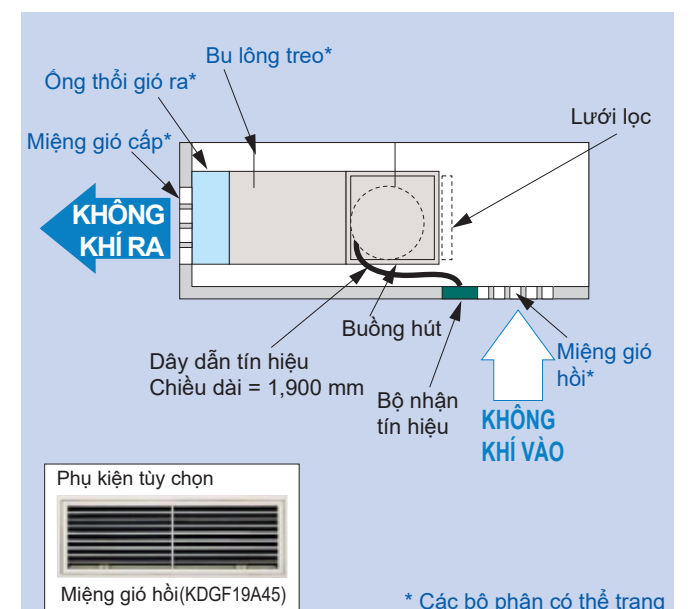


Tín hiệu từ điều khiển từ xa được truyền đến bộ nhận tín hiệu

	CDXS25EA	CDXS35EA	CFDXS25C	CFDXS35C
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	200 x 700 x 620 mm	200 x 700 x 620 mm	200 x 900 x 620 mm	200 x 900 x 620 mm
Trọng lượng	21 kg	21 kg	25 kg	25 kg
Lưu lượng gió (Cao)	8.7 m³/phút	8.7 m³/phút	9.5 m³/phút	10.0 m³/phút
Áp suất tĩnh ngoài	30 Pa	30 Pa	40 Pa	40 Pa

## Vận hành êm

Mức vận hành êm ái chỉ có cường độ 29 dB(A) ở các máy 2.5 kW và 3.5 kW trong khi hoạt động ở chế độ vận hành êm.



\* Các bộ phận có thể trang bị tại chỗ

Ghi chú:

- Để hạn chế tiếng ồn khi máy làm việc, tránh lắp đặt miệng gió hồi bên dưới buồng hút
- Miệng gió, nổi ống, ống gió và các chi tiết khác có thể mua tại địa phương. Dàn lạnh nổi ống gió không có bơm nước xả.
- Bộ nhận tín hiệu cần được lắp đặt gần đường gió hồi do có gắn cảm biến nhiệt độ phòng.

# Cassette âm trần bốn hướng thổi nhỏ gọn



Điều khiển từ xa LCD có dây    Điều khiển từ xa LCD không dây    Bộ nhận tín hiệu



Phụ kiện tùy chọn

Phụ kiện tùy chọn

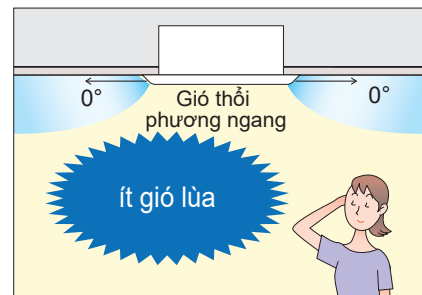
Bộ nhận tín hiệu đi kèm với Điều khiển từ xa không dây.

Dòng 2.5kW    Dòng 3.5kW    Dòng 5.0kW    Dòng 6.0kW

Hai chiều lạnh/sưởi    FFQ25BV1B    FFQ35BV1B    FFQ50BV1B    FFQ60BV1B



**Được thiết kế với vận hành ít gió lùa mang lại sự thoải mái cho người sử dụng**



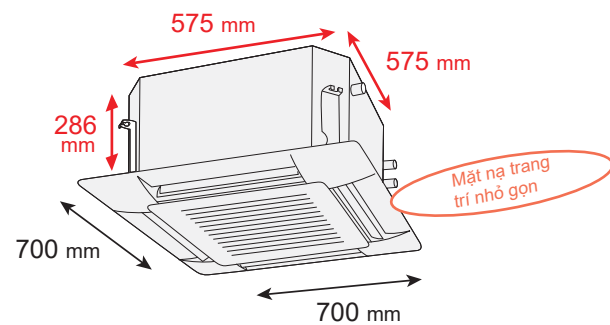
## Thoải mái cả phòng

Không khí sau khi được làm mát sẽ được phân bố đồng đều nhờ chế độ đảo gió tự động. Điều chỉnh hướng gió để phù hợp điều kiện với các kiểu phòng

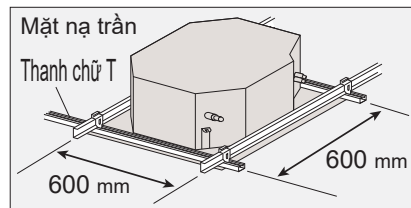
	ĐẢO GIÓ TỰ ĐỘNG	5 hướng thổi
<b>Cài đặt tiêu chuẩn</b>	Đảo gió tự động giữa góc 0° và 60°	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau giữa 0° và 60°
<b>Cài đặt ngăn gió lùa (Tại chỗ)</b>	Đảo gió tự động giữa góc 0° và 35°	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau giữa 0° và 35°
<b>Cài đặt chống bắn trần (Tại chỗ)</b>	Đảo gió tự động giữa góc 25° và 60°	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau giữa 25° và 60°

Lưu ý: Các góc thể hiện ở trên chỉ mang tính hướng dẫn và có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện lắp đặt tại công trình.

**Được thiết kế vừa khít với hốc trần rộng 600 mm**



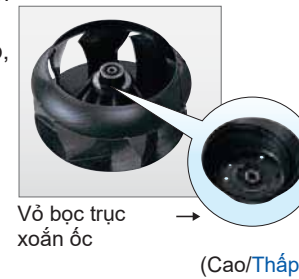
• Không cần cắt thanh chữ T bị thừa ra



• Kể cả với những máy có kích thước lớn hơn 600 x 600 cũng không cần mở ra kiểm tra. Việc bảo trì có thể được thực hiện sau khi tháo lưới hút gió vì hộp công tắc được tích hợp bên trong máy.

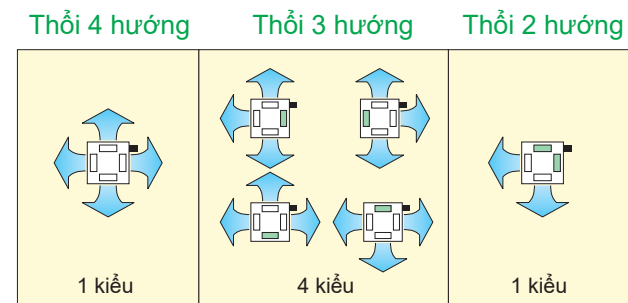
• Yên tĩnh với độ ồn chỉ 24.5 dB (A)

Nhờ có nắp đậy trực xoay nên áp suất gió bên trong giảm đáng kể. Với tốc độ quạt thấp, độ ồn của model 2.5 kW là 24.5 dB(A) và model 6.0 kW là 32 dB(A).



FFQ25	FFQ35	FFQ50	FFQ60
29.5/24.5 dB(A)	32/25 dB(A)	36/27 dB(A)	41/32 dB(A)

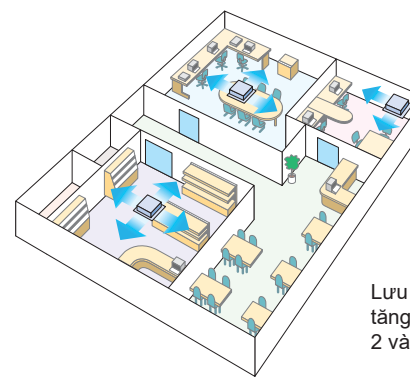
• Hệ thống đa hướng thổi



"■" biểu thị hướng đường ống. "■" biểu thị vật liệu chắn gió dành cho các miệng gió (Phụ kiện tùy chọn)

Lưu ý: Khi lắp đặt 2 hướng và 3 hướng thổi, phải sử dụng vật liệu chắn gió (phụ kiện tùy chọn) cho các miệng gió không sử dụng.

• Có thể chọn hướng thổi theo điều kiện lắp đặt



Lưu ý: Độ ồn gia tăng khi sử dụng 2 và 3 hướng thổi.

• Hai bộ cảm biến nhiệt độ có thể lựa chọn.

Cả dàn nóng và điều khiển từ xa có dây (phụ kiện tùy chọn) đều có cảm biến nhiệt độ. Cảm biến nhiệt độ có thể được cài đặt tại dàn lạnh hoặc để gia tăng mức độ thoải mái, có thể cài đặt gần khu vực mục tiêu tại điều khiển từ xa có dây. Tính năng này cần cài đặt từ ban đầu khi lắp đặt.

\*Cảm biến nhiệt độ trên dàn lạnh phải được sử dụng khi máy điều hòa được điều khiển từ một phòng khác. (Điều khiển từ xa không dây không có cảm biến nhiệt độ)

• Chế độ khử ẩm

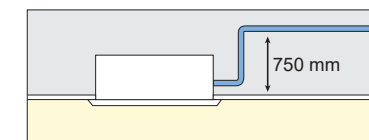
Chế độ khử ẩm ưu tiên giảm độ ẩm hơn là giảm nhiệt độ. Khử ẩm được điều khiển bằng máy tính nhằm ngăn ngừa thay đổi nhiệt độ đột ngột gây ra sự khó chịu.

• Tốc độ quạt có thể chuyển đổi: Cao/Thấp

• Khởi động nóng (sau khi rã đông)

Không thổi ra gió lạnh khi chế độ sưởi bắt đầu làm việc hoặc sau khi xả đá.

• Được trang bị bơm nước xả



• Tự khởi động lại

Nếu xảy ra mất điện khi máy đang vận hành, hệ thống sẽ khởi động lại với chế độ như cũ khi nguồn điện phục hồi.

• Phin lọc lâu bền

Không cần bảo dưỡng trong vòng 1 năm.

• Chức năng chống bắn trần

Kỹ thuật xả gió tiên tiến của Daikin giữ cho luồng gió cách xa trần giúp cho việc vệ sinh trần ít hơn.

• Tín hiệu phin lọc

Khi phin lọc cần được làm sạch, biểu tượng phin lọc sẽ được hiển thị trên điều khiển từ xa.



## Tiết kiệm điện năng và nhanh chóng trở về trạng thái cài đặt chế độ tiện nghi mong muốn



### Mắt thần thông minh

Mắt thần với cảm biến hồng ngoại giúp dò tìm chuyển động trong phòng. Khi không có người máy sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ +/- 2°C để tiết kiệm điện năng. Mắt thần thông minh có sẵn ở các model

FTXS20/25/35/50/60/71.



Khi có người trong phòng



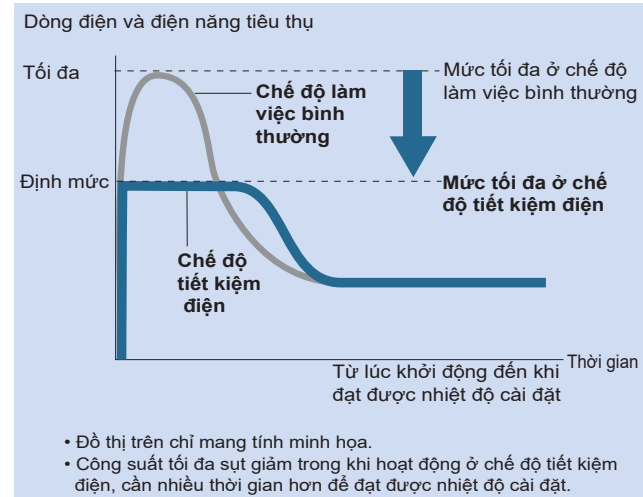
Khi không có người trong phòng



### Chế độ tiết kiệm điện

Chế độ tiết kiệm điện giúp làm giảm dòng điện và mức điện năng tiêu thụ tối đa của dàn nóng xuống giá trị định mức, có tác dụng ngăn ngừa sự quá tải ở cầu dao tự động (CB) do sử dụng cùng lúc nhiều máy điều hòa và các thiết bị điện khác. Chức năng này có thể dễ dàng kích hoạt bằng cách ấn nút ECONO trên điều khiển từ xa. Chế độ tiết kiệm điện có sẵn ở các model FTXS20/25/35 và FTX25/35

\* Đối với dàn nóng 2MXS50FV1B, mức điện năng tiêu thụ tối đa được giới hạn là 1,300 W



### Chế độ hoạt động vắng nhà

Chế độ hoạt động vắng nhà ngăn chặn biến động nhiệt độ trong phòng bằng cách duy trì hoạt động\* khi bạn đang ngủ hoặc vắng nhà. Điều này có nghĩa là máy điều hòa không khí luôn sẵn sàng chào đón khi bạn thức dậy hoặc trở về. Đồng thời cũng đồng nghĩa với việc nhiệt độ phòng sẽ nhanh chóng trở về các thông số cài đặt yêu thích. Chế độ hoạt động vắng nhà có sẵn ở các model FTXS50/60/71 và tất cả các model nổi ống gió.

\* Chế độ hoạt động vắng nhà có thể lựa chọn bất kỳ nhiệt độ nào từ 18 đến 32°C khi làm lạnh và từ 10 đến 30°C khi sưởi.

Trong vận hành làm lạnh, nhiệt độ phòng cài đặt là 23°C, và 28°C đối với cài đặt ở chế độ hoạt động vắng nhà.



23°C



Nhấn 1 lần!!

Khởi động chế độ hoạt động vắng nhà đơn giản chỉ bằng cách nhấn trên điều khiển từ xa.



28°C

Khi bạn rời khỏi nhà, máy điều hòa không khí sẽ ngăn ngừa sự gia tăng lớn của nhiệt độ phòng bằng cách liên tục hoạt động ở chế độ cài đặt vắng nhà.



23°C



Nhấn lần nữa!!

Khi trở về nhà, bạn sẽ sảng khoái với căn phòng đã được điều hòa. Chỉ cần nhấn nút HOME LEAVE một lần nữa để trở về chế độ cài đặt ban đầu.

## Làm lạnh/sưởi đồng bộ cả phòng



### Cánh đảo gió kép mạnh mẽ và cánh hướng dòng rộng

cánh đảo gió kép mạnh mẽ và cánh hướng dòng rộng làm việc song song để điều khiển chính xác hướng gió theo cả phương đứng và phương ngang giúp cho việc phân phối gió đồng đều hơn.

cánh đảo gió kép mạnh mẽ

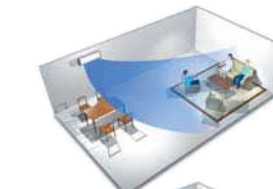


Làm lạnh: cánh đảo gió hướng ra ngoài khi máy làm việc giúp gió mát có thể thổi đến các góc xa nhất trong phòng.



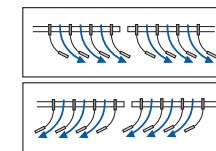
Sưởi: cánh đảo gió hạ xuống thổi không khí ấm trực tiếp xuống sàn nhanh chóng làm ấm cả phòng.

### Cánh hướng dòng rộng



Phù khắp phòng rộng

Từ góc phòng đến trung tâm

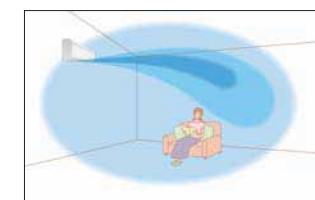


Cánh hướng dòng có thể điều chỉnh bằng tay ở các model FTXS20/25/35 và FTX25/35.

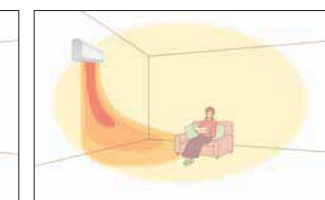


### Chế độ luồng gió sáng khoái

Chế độ luồng gió sáng khoái ngăn gió lùa khó chịu thổi trực tiếp vào người. Với tính năng này, khi bạn nhấn nút COMFORT trong khi làm lạnh, cánh đảo gió sẽ đảo lên phía trên để tránh gió lạnh trực tiếp. Trong khi sưởi, cánh đảo gió cũng hướng xuống để ngăn gió lùa trực tiếp và mang gió ấm xuống sàn nhà. Chế độ luồng khí sáng khoái có sẵn ở model FTX25/35.



Làm lạnh



Sưởi

► Xem trang 18 để biết thêm chi tiết về tính năng của từng model riêng biệt.



### Chế độ inverter hoạt động mạnh mẽ

Chế độ inverter hoạt động mạnh mẽ đẩy nhanh việc làm lạnh/sưởi nhanh trong vòng 20 phút. Điều này tiện lợi khi bạn vừa bật máy điều hòa và khi bạn muốn điều chỉnh nhiệt độ nhanh chóng khi máy đang vận hành.



### Nút Bật/Tắt trên dàn lạnh

Có thể dễ dàng khởi động máy bằng tay trong trường hợp điều khiển từ xa bị thất lạc hoặc hết pin.

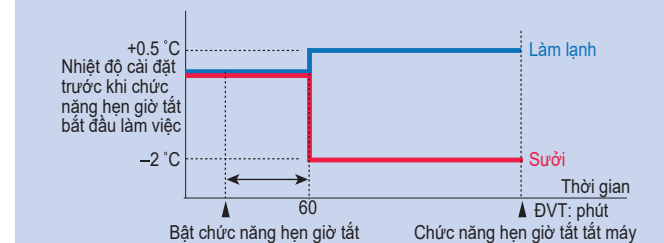


Nút Bật/Tắt trên dàn lạnh



### Chế độ hoạt động ban đêm

Nhấn nút hẹn giờ tắt (Off Timer) để tự động lựa chọn chế độ hoạt động ban đêm. Chức năng này ngăn chặn tình trạng quá nóng hoặc quá lạnh giúp bạn ngủ ngon giấc.



Làm lạnh: Nhiệt độ phòng tăng 0.5°C sau 60 phút

Sưởi: Nhiệt độ phòng giảm 2°C sau 60 phút

Điều khiển từ xa không dây dễ sử dụng

**FTXS20/25/35**

**FTXS50/60/71**

**FTXS20/25/35 features:**

- Cài đặt nhiệt độ phòng
- Chế độ tiết kiệm điện
- Chế độ inverter hoạt động mạnh mẽ
- Bật/Tắt máy
- Chế độ làm việc chống mốc

**FTXS50/60/71 features:**

- Đảo gió phương đứng (Lên và xuống)
- Lựa chọn tốc độ quạt và dàn lạnh hoạt động êm
- Lựa chọn chế độ làm việc: tự động, làm lạnh, sưởi, khử ẩm, chỉ chạy quạt
- Mắt thần thông minh
- Chế độ dàn nóng hoạt động êm
- Hủy hẹn giờ Bật/Tắt
- Hẹn giờ bật 24 giờ
- Cài đặt đồng hồ
- Hẹn giờ tắt 24 giờ và chế độ hoạt động ban đêm
- Cài đặt hẹn giờ

**FTX25/35**

**FTX25/35 features:**

- Đảo gió phương đứng (Lên và xuống)
- Lựa chọn tốc độ quạt và dàn lạnh hoạt động êm
- Lựa chọn chế độ làm việc: tự động, làm lạnh, sưởi, khử ẩm, chỉ chạy quạt
- Hủy hẹn giờ Bật/Tắt
- Hẹn giờ bật 24 giờ
- Cài đặt đồng hồ
- Hẹn giờ tắt 24 giờ và chế độ hoạt động ban đêm
- Cài đặt hẹn giờ
- Chế độ tiết kiệm điện
- Cài đặt nhiệt độ phòng
- Bật/Tắt máy
- inverter hoạt động mạnh mẽ
- Chế độ luồng gió sáng khoái

Model	Dàn lạnh					Dàn nóng	
	Treo tường	Treo tường	Treo tường	Giấu trần nổi ống gió	Cassette đa hướng thổi nhỏ gọn	2MXS	3/4/5MXS
Các chức năng	FTXS20/25/35	FTXS50/60/71	FTX25/35	CDXS/FDXS	FFQ25/35/50/60		
<b>Luồng gió sáng khoái</b>							
<b>Vận hành ưu việt</b>							
<b>Tiện nghi</b>							
<b>Vệ sinh</b>							
<b>Hẹn giờ</b>							
<b>An tâm</b>							

### Luồng Gió Sàng Khoái



#### Cánh đảo gió kép mạnh mẽ

Chức năng Đảo Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ có thể dàn trải hơi lạnh đều khắp đến tận cùng các góc của căn phòng. Cánh đảo gió có thể thổi hơi ẩm trực tiếp xuống sàn trong khi sưởi.



#### Cánh đảo gió mạnh mẽ

Chức năng đảo gió mạnh mẽ điều chỉnh độ mở của miệng gió ra để tạo ra một hình dạng tối ưu.



#### Cánh hướng dòng rộng

Cánh hướng dòng với góc rộng được uốn cong giúp thổi gió rộng khắp phòng tăng hiệu quả hoạt động làm lạnh/sưởi.



#### Đào Gió Tự Động Theo Phương Đứng (lên và xuống)

Chức năng này tự động di chuyển cánh đảo gió theo chiều lên và xuống để phân bố gió đều khắp căn phòng.



#### Đào Gió Tự Động Theo Phương Ngang (trái và phải)

Chức năng này Tự Động di chuyển cánh hướng dòng sang trái và phải để hơi lạnh/hơi ẩm bao trùm cả không gian căn phòng.



#### Luồng gió 3 Chiều

Chức năng này kết hợp cả Đào Chiều Tự Động theo phương Đứng và phương Ngang giúp luân chuyển hơi lạnh/hơi ẩm đến mọi nơi của căn phòng, ngay cả ở những không gian rộng lớn.



#### Luồng gió sàng khoái

Chức năng này ngăn chặn luồng gió trực tiếp thổi vào người. Cánh đảo gió sẽ thay đổi hướng gió thổi, di chuyển đi lên trong quá trình làm mát và di chuyển đi xuống trong quá trình sưởi ấm.

► Xem trang 16

### Vận hành ưu việt



#### Chế độ Dàn Lạnh Hoạt Động Êm

Độ ồn hoạt động của dàn lạnh có thể giảm từ 2 đến 4 dB(A) so với tốc độ quạt thấp sử dụng điều khiển từ xa không dây.

► Xem trang 6



#### Chế độ Dàn Nóng Hoạt Động Êm

Độ ồn hoạt động của dàn nóng có thể giảm khoảng 3 dB(A) so với độ ồn hoạt động định mức sử dụng điều khiển từ xa không dây.

► Xem trang 6



#### Chế độ hoạt động ban đêm

Độ ồn hoạt động của dàn nóng tự động giảm 3 dB(A) so với độ ồn hoạt động định mức khi nhiệt độ ngoài trời giảm 6°C từ mức nhiệt độ tối đa được ghi lại ban ngày. Cần cài đặt chế độ lắp đặt.



#### Mắt Thần Thông Minh

Mắt Thần Thông Minh với cảm biến hồng ngoại tự động điều chỉnh hoạt động của máy điều hòa qua việc dò tìm chuyển động của người trong phòng. Khi không có chuyển động, nhiệt độ điều chỉnh khoảng  $\pm 2^\circ\text{C}$  để tiết kiệm năng lượng.



#### Hoạt Động Tự Động

Chức năng này tự động lựa chọn chế độ làm lạnh hoặc sưởi ấm dựa trên nhiệt độ phòng ngay lúc khởi động.



#### Chức Năng Khử Ẩm

Chức năng này tự động làm giảm độ ẩm không khí.



#### Tốc Độ Quạt Tự Động

Bộ xử lý vi mạch tự động điều khiển tốc độ quạt để điều chỉnh nhiệt độ phòng đạt đến nhiệt độ cài đặt.

### Tiện Nghi Cho Cuộc Sống



#### Inverter hoạt động mạnh mẽ

Chức năng này tiện lợi trong việc cần làm lạnh/sưởi nhanh trong vòng 20 phút khi bạn vừa bật máy điều hòa và khi bạn muốn thay đổi nhanh nhiệt độ phòng.



#### Chế độ tiết kiệm điện

Chức năng này hạn chế tối đa dòng khởi động và điện năng tiêu thụ của dàn nóng về giá trị định mức. Chức năng này hữu ích khi sử dụng nhiều máy điều hòa cùng lúc với các thiết bị điện khác.



#### Chế Độ Làm Việc Vắng Nhà

Chức năng hoạt động khi vắng nhà giúp cho căn phòng không trở nên quá nóng hay quá lạnh khi chúng ta ngủ hoặc ra khỏi nhà. Chọn bất kỳ nhiệt độ từ 18 đến 32°C cho chế độ làm lạnh và 10 đến 30°C cho chế độ sưởi.



#### Nút Bật/Tắt Trên Dàn Lạnh

Có thể bật máy điều hòa bằng tay trong trường hợp điều khiển từ xa bị thất lạc hoặc hết pin.



#### Cài đặt phòng ưu tiên

Khi cài đặt chức năng này, có thể dễ dàng lựa chọn chế độ Inverter hoạt động mạnh mẽ, dàn nóng hoạt động êm và chế độ hoạt động. Cần cài đặt chế độ này khi lắp đặt.

► Xem trang 8

### Vệ sinh



#### Phin Lọc Xúc Tác Quang Apatit Titan

Phin lọc có vật liệu mới là xúc tác quang titan. Trong khi phin lọc bẫy các phân tử bụi nhỏ, xúc tác quang sẽ hấp thu và phân hủy vi khuẩn. Phin lọc này có thể dùng đến 3 năm nếu được rửa bằng nước mỗi 6 tháng.



#### Hoạt Động Chống Mốc

Chức năng này tự động chạy quạt trong khoảng 1 giờ khi đã ngừng chế độ làm lạnh hoặc khử ẩm. Việc này giúp ngăn ngừa nấm mốc và mùi hôi phát sinh ra bên trong dàn lạnh.



#### Mặt Nạ Phẳng Dễ Vệ Sinh

Các sản phẩm có thiết kế phẳng dễ dàng làm sạch bề mặt với chỉ một giẻ lau. Có thể tháo dễ dàng mặt nạ của máy để làm sạch triệt để hơn bên trong.



#### Dấu hiệu vệ sinh phin lọc

Bụi bẩn bám vào phin lọc khí không chỉ mất vệ sinh mà còn làm giảm hiệu suất làm việc của máy điều hòa. Chức năng này là một tín hiệu gửi đến người dùng báo hiệu phin lọc cần được vệ sinh.

### Hẹn giờ



#### Hẹn Giờ Bật/Tắt 24h

Bộ hẹn giờ này có thể cài đặt chạy hoặc dừng máy bất kỳ khi nào trong khoảng thời gian 24 giờ, bằng cách nhấn nút On/Off trên bộ điều khiển từ xa.



#### Hẹn Giờ Bật/Tắt 72h

Bộ hẹn giờ này có thể cài đặt chạy hoặc dừng máy bất kỳ khi nào trong khoảng thời gian 72 giờ. Bằng cách nhấn nút On, máy điều hòa sẽ tự động bật và hoạt động theo thời gian đã được cài đặt sẵn.



#### Chế độ hoạt động ban đêm

Nhấn nút off timer để lựa chọn tự động chế độ cài đặt ban đêm. Chức năng này ngăn chặn sự thay đổi nhiệt độ làm lạnh hoặc sưởi ấm quá mức, cho giấc ngủ ngon hơn.

### An tâm



#### Tự Động Khởi Động Lại Sau Khi Mất Điện

Khi xảy ra tình trạng mất điện, máy sẽ ghi nhớ các chế độ, lưu lượng gió, nhiệt độ, ... đã cài đặt và tự động trở lại cài đặt trước đó khi nguồn điện phục hồi.



#### Tự Chẩn Đoán Lỗi Với Màn Hình Kỹ Thuật Số

Các mã lỗi được hiển thị trên màn hình kỹ thuật số của bộ điều khiển từ xa giúp việc chẩn đoán và sửa chữa được nhanh chóng và dễ dàng.



#### Cánh Tản Nhiệt Dàn Nóng Được Xử Lý Chống Ăn Mòn

Cánh tản nhiệt của dàn nóng được xử lý đặc biệt để chống ăn mòn. Bề mặt được phủ lớp nhựa acrylic mỏng làm tăng khả năng chống lại mưa axit và hơi muối biển.

### Các chức năng khác

#### Vận hành ưu việt (Có sẵn ở loại 2 chiều) Làm nóng nhanh

Trong giai đoạn nhiệt độ ngoài trời thấp, chức năng này làm nóng máy nén trước để rút ngắn thời gian cần thiết cho việc thổi ra khí nóng.

#### Tự động rã đông

Trước khi bắt đầu hoạt động sưởi, một cảm biến sẽ kiểm tra tình trạng đóng băng của dàn nóng và thực hiện rã đông tự động nếu cần thiết để chỉ hơi nóng được thổi ra.

### An tâm

#### Chức năng khóa chế độ Làm lạnh/Sưởi\*

Chủ nhân có thể khóa chế độ hoạt động để ngăn chặn việc thay đổi ở những phòng khác. Chức năng này tiện lợi cho các khách sạn nhỏ, chức năng có sẵn ở loại hai chiều lạnh/sưởi.

#### Kiểm tra lỗi đi dây\*

Bộ vi xử lý kiểm tra và chẩn đoán lỗi đi dây trong suốt quá trình lắp đặt để ngăn ngừa sự cố.

### Linh hoạt

#### Xả nước ở cả 2 phía (trái hoặc phải)

Dàn lạnh loại treo tường được thiết kế để đường ống xả có thể lắp đặt bên trái hoặc bên phải.

\* Model 2MXS50F không có chức năng này.

# Thông số kỹ thuật

Dàn nóng					
Tên model	Hai chiều lạnh/sưởi				
	2MXS50FV1B	3MXS52EVMA	3MXS68EVMA	4MXS80EVMA	5MXS100LVMA
Nguồn điện	1 pha, 220-240 V, 50 Hz		1 pha, 230-240 V, 50 Hz		1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz
Tổng công suất tối đa dàn lạnh kết nối	—		9.0	11.0	14.5
Màu sắc	Trắng ngà				
Loại máy nén	Swing dạng kín				
Loại môi chất lạnh	R-410A				
Độ ồn*	Làm lạnh	48/44		48/45	
	Sưởi	50/46		49/46	
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	550 x 765 (+75*) x 285		735 x 936 x 300		770 x 900 x 320
Khối lượng	42		49	59	72
Dây hoạt động	Làm lạnh	10 đến 46		-10 đến 46	
	Sưởi	-15 đến 15.5		-15 đến 18	
Chiều dài ống tối đa	Làm lạnh	30 (tổng)		70 (tổng)	
	Sưởi	50 (tổng)		80 (tổng)	
Môi chất lạnh nạp bổ sung	20 (Cho một phòng)		25 (Cho một phòng)		30 (Cho một phòng)
Chênh lệch độ cao tối đa	20 (Từ 20m trở lên) <sup>2</sup>				

Ghi chú: giá trị đầu tiên bên trái dấu gạch chéo (/) là giá trị định mức. Giá trị bên phải dấu gạch chéo là độ ồn khi sử dụng chế độ dàn nóng hoạt động êm

## Dàn lạnh

### Treo tường

Tên model	Hai chiều lạnh/sưởi								
	FTXS20DVMA	FTXS25EVMA	FTXS35EVMA	FTXS50FVMA	FTXS60FVMA	FTXS71FVMA	FTXS25GV1B	FTXS35GV1B	
Nguồn điện	1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz				1 pha, 220-240 V, 50 Hz				
Màu sắc mặt nạ	Trắng								
Tốc độ gió (Cao)	Làm lạnh	8.7 (307)	8.9 (314)	14.7 (519)	16.2 (572)	17.4 (614)	9.2 (325)	9.3 (328)	
	Sưởi	9.4 (332)	9.7 (342)	16.2 (572)	17.4 (614)	21.5 (759)	9.7 (342)	10.1 (356)	
Độ ồn (Cao/Thấp/Cực êm)	Làm lạnh	37/25/22	38/26/23	44/35/32	45/36/33	46/37/34	40/26/22	41/27/23	
	Sưởi	37/28/25	38/29/26	42/33/30	44/35/32	46/37/34	40/28/25	41/29/26	
Tốc độ quạt	5 bước, yên tĩnh và tự động								
Điều khiển nhiệt độ	Điều khiển vi xử lý								
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	283 x 800 x 195		290 x 1,050 x 238				283 x 770 x 198		
Khối lượng	9		12				7		
Kết nối ống	Ống lỏng (Loe)	ø6.4		ø12.7		ø15.9		ø9.5	
	Ống hơi (Loe)	ø9.5		ø12.7		ø15.9		ø9.5	
	Ống xả	ø18.0		ø12.7		ø15.9		ø9.5	
Cách nhiệt	Cả ống lỏng và ống hơi								

## Dàn lạnh

### Giấu trần nổi ống gió <Chiều rộng 700mm>

Tên model	Hai chiều lạnh/sưởi		
	CDXS25EAVMA	CDXS35EAVMA	
Nguồn điện	1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz		
Tốc độ gió (Cao)	Làm lạnh	8.7 (307)	
	Sưởi	8.7 (307)	
Độ ồn (Cao/Thấp/Cực êm)*	Làm lạnh	35/31/29	
	Sưởi	35/31/29	
Tốc độ quạt	5 bước, yên tĩnh và tự động		
Điều khiển nhiệt độ	Điều khiển vi xử lý		
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	200 x 700 x 620		
Khối lượng	21		
Kết nối ống	Ống lỏng (Loe)	ø6.4	
	Ống hơi (Loe)	ø9.5	
	Ống xả	VP 20 (D ngoài. 26 / D trong. 20)	
Cách nhiệt	Cả ống lỏng và ống hơi		
Áp suất tĩnh bên ngoài	30		

Ghi chú: \*Độ ồn làm việc đối với những máy có ống gió hồi phía sau và áp suất tĩnh ngoài là 30 PA đối với model CDXS-EA. Nếu đường gió hồi dưới đáy máy, độ ồn tăng thêm 6 dB(A) đối với model CDXD-EA

### Giấu trần nổi ống gió <Chiều rộng 900/1,100mm>

Tên model	Hai chiều lạnh/sưởi				
	FDXS25CVMA	FDXS35CVMA	FDXS50CVMA	FDXS60CVMA	
Nguồn điện	1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz				
Tốc độ gió (Cao)	Làm lạnh	9.5 (335)	10.0 (353)	12.0 (424)	
	Sưởi	9.5 (335)	10.0 (353)	12.0 (424)	
Độ ồn (Cao/Thấp/Cực êm)*	Làm lạnh	35/31/29		37/33/31	
	Sưởi	35/31/29		37/33/31	
Tốc độ quạt	5 bước, yên tĩnh và tự động				
Điều khiển nhiệt độ	Điều khiển vi xử lý				
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	200 x 900 x 620		200 x 900 x 620		
Khối lượng	25		27		
Kết nối ống	Ống lỏng (Loe)	ø6.4		ø12.7	
	Ống hơi (Loe)	ø9.5		ø12.7	
	Ống xả	VP 20 (D ngoài. 26 / D trong. 20)		ø12.7	
Cách nhiệt	Cả ống lỏng và ống hơi				
Áp suất tĩnh bên ngoài	40				

Ghi chú: \*Độ ồn làm việc đối với những máy có ống gió hồi phía sau và áp suất tĩnh ngoài là 40 PA đối với model FDXS-C. Nếu đường gió hồi dưới đáy máy, độ ồn tăng thêm 5 dB(A) đối với model FDXS-C.

### Cassette đa hướng thổi nhỏ gọn

Tên model	Hai chiều lạnh/sưởi				
	FFQ25BV1B	FFQ35BV1B	FFQ50BV1B	FFQ60BV1B	
Nguồn điện	1 pha, 230 V, 50 Hz				
Tốc độ gió (Cao)	Làm lạnh	9.0 (318)	10.0 (353)	12.0 (424)	
	Sưởi	9.0 (318)	10.0 (353)	12.0 (424)	
Độ ồn (Cao/Thấp)*	Làm lạnh	29.5/24.5	32/25	36/27	
	Sưởi	29.5/24.5	32/25	36/27	
Tốc độ quạt	2 bước				
Điều khiển nhiệt độ	Điều khiển vi xử lý				
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	286 x 575 x 575				
Khối lượng	17.5				
Kết nối ống	Ống lỏng (Loe)	ø6.4		ø12.7	
	Ống hơi (Loe)	ø9.5		ø12.7	
Cách nhiệt	Model				
Mặt nạ (Phụ kiện tùy chọn)	Model	BYFQ60B3W1			
	Màu sắc	Trắng			
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	55 x 700 x 700			
	Khối lượng	2.7			

Ghi chú: \* Giá trị quy đổi phòng không dội âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

- Điều kiện đo
- Công suất làm lạnh định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, chiều dài ống 7.5 m
  - Công suất sưởi định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB. Chiều dài ống 7,5 m
  - Giá trị quy đổi phòng không dội âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

## Phụ kiện tùy chọn

### Dàn nóng

STT	Hạng mục	2MXS50F	3MXS52	3MXS68	4MXS80	5MXS100
1	Lưới chỉnh hướng gió	KPW937A4		KPW945A4		KPW5E112
2	Đầu nối ống nước xả	KKP937A4	KKP937A4*1		KKP945A4*	

Ghi chú: \*1. Một bộ gồm 5 cái cho 5 máy  
\*2. Một bộ gồm 1 cái cho 1 máy



Lưới chỉnh hướng gió KPW945A4



Đầu nối ống nước xả KKP937A4

### Dàn lạnh

STT	Hạng mục	Treo tường			Giấu trần nối ống gió		
		FTXS20-35	FTXS50-71F	FTX25/35G	CDXS25/35EA	FDXS25-50C	FDXS60C
1	Điều khiển trung tâm 5 phòng*1	KRC72			KRC72		
2	Bộ điều hợp dùng cho bộ hẹn giờ/điều khiển từ xa*2 (Tiếp điểm xung mờ thường/tiếp điểm thường mờ)	KRP413AB1S			KRP413AB1S		
3	Phin lọc xúc tác quang Apatit Titan*3	KAF970A46	KAF952B42	KAF970A46	—		
4	Dây xích chống mất điều khiển từ xa	KKF917A4	KKF910A4	KKF917A4			
5	Miệng gió hồi	—			KDDG19A45		
6	Bộ cách nhiệt cho nơi có độ ẩm cao	—			KDT25N32	KDT25N50	KDT25N63

Ghi chú: \* Cần mỗi bộ tiếp hợp KRP413AB1S cho từng dàn lạnh.  
\* Đồng hồ hẹn giờ và các thiết bị khác mua tại địa phương.  
\* Phin lọc là phụ kiện tiêu chuẩn. Cần được thay thế sau mỗi 3 năm.



Điều khiển trung tâm 5 phòng KRC72



Phin lọc xúc tác quang Apatit Titan KAF952B42



Dây xích chống mất điều khiển từ xa KKF917A4

STT	Hạng mục	Cassette âm trần đa hướng thổi nhỏ gọn	
1	Mặt nạ trang trí	BYFQ60B3W1	
2	Điều khiển từ xa	Loại có dây*1	BRC1C61
		Loại không dây	Hai chiều BRC7E530W Một chiều lạnh BRC1E531W
3	Bộ điều hợp đi dây*2	KRP1BA57	
4	Bộ điều hợp cho các thiết bị điện*2	KRP4AA53	
5	Hộp lắp đặt cho bộ điều hợp PCB	KRP1BA101	
6	Cảm biến từ xa	KRCS01-1B	
7	Phin lọc lâu bền có thể thay thế	KAFQ441BA60	
8	Bộ nạp gió tươi	Loại lắp trực tiếp	KDDQ44XA60
9	Tấm che miệng gió ra	KDBH44BA60	
10	Tấm đệm mặt nạ	KDBQ44BA60A	

Ghi chú: \*1. Dây của bộ điều khiển từ xa có dây có thể trang bị tại chỗ  
\*2. Cần hộp lắp đặt cho bộ điều hợp PCB (KRP1BA101)

### Hệ thống điều khiển

STT	Hạng mục	Treo tường			Giấu trần nối ống gió	Cassette âm trần đa hướng thổi nhỏ gọn
		FTXS20-35	FTXS50-71F	FTX25/35G		
1	Điều khiển từ xa trung tâm*	DCS302CA61			DCS302CA61	
2	Điều khiển bật/tắt đồng nhất*	DCS301BA61			DCS301BA61	
3	Bộ lập trình thời gian*	DST301BA61			DST301BA61	
4	Giao diện bộ điều hợp sử dụng DIII-NET	KRP928BB2S			KRP928BB2S	DTA112BA51

Ghi chú: \*Giao diện bộ điều hợp sử dụng DIII-NET (KRP928BB2S hoặc DTA112BA51) cần được trang bị cho mỗi dàn lạnh



Điều khiển từ xa trung tâm DCS302CA61



Điều khiển bật/tắt đồng nhất DCS301BA61



Bộ lập trình thời gian DST301BA61

## Hai chiều lạnh/sưởi

230 V, 50 Hz

Dàn nóng	Các kết hợp dàn lạnh	Công suất của mỗi dàn lạnh (kW)				Tổng công suất (KW) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)	Tổng điện năng tiêu thụ (W) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)	Dòng điện tổng (A) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)
		Phòng A	Phòng B	Phòng C	Phòng D			
2MXS50FV1B <b>Công suất lạnh</b>	25	2.50				2.50 (1.53-3.10)	660 (330- 920)	3.2 (1.6-4.4)
	35	3.50				3.50 (1.53-4.00)	1,090 (330-1,420)	5.2 (1.6-6.8)
	25+25	2.50	2.50			5.00 (1.81-5.20)	1,560 (330-1,710)	7.5 (1.6-8.2)
	25+35	2.08	2.92			5.00 (1.81-5.30)	1,530 (330-1,760)	7.3 (1.6-8.4)
	35+35	2.50	2.50			5.00 (1.81-5.30)	1,500 (330-1,720)	7.2 (1.6-8.2)
2MXS50FV1B <b>Công suất sưởi</b>	25	3.40				3.40 (1.21-4.10)	980 (250-1,330)	4.7 (1.2-6.4)
	35	4.00				4.00 (1.21-4.60)	1,240 (250-1,530)	5.9 (1.2-7.3)
	25+25	2.80	2.80			5.60 (1.28-5.80)	1,450 (330-1,550)	6.9 (1.1-7.4)
	25+35	2.38	3.32			5.70 (1.34-6.00)	1,480 (250-1,640)	7.1 (1.2-7.8)
	35+35	2.85	2.85			5.70 (1.40-6.10)	1,460 (250-1,650)	7.0 (1.2-7.9)

Ghi chú:  
1. Số liệu hoạt động làm lạnh dựa trên các điều kiện sau: nhiệt độ trong nhà: 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB  
2. Số liệu hoạt động sưởi dựa trên các điều kiện sau: nhiệt độ trong nhà: 20°CDB; nhiệt độ ngoài trời: 7°CDB, 6°CWB  
3. Tổng công suất các dàn lạnh kết nối: tối đa 8.5 kW  
4. Không thể kết nối 1 dàn lạnh  
5. Các giá trị trên dành cho kết nối với các dàn lạnh sau: FTXS25/35EVMA, FTX25/35GV1B

Dàn nóng	Các kết hợp dàn lạnh	Công suất của mỗi dàn lạnh (kW)				Tổng công suất (KW) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)	Tổng điện năng tiêu thụ (W) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)	Dòng điện tổng (A) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)
		Phòng A	Phòng B	Phòng C	Phòng D			
3MXS52EVMA <b>Công suất lạnh</b>	20	2.00				2.00 (1.76-2.84)	460 (350- 740)	2.1 (1.6- 3.4)
	25	2.50				2.50 (1.76-3.24)	620 (350- 800)	2.8 (1.6- 3.6)
	35	3.50				3.50 (1.76-4.52)	970 (350-1,510)	4.3 (1.6- 6.7)
	50	5.00				5.00 (1.85-5.80)	1,540 (350-2,100)	6.8 (1.5- 9.2)
	20+20	2.00	2.00			4.00 (1.88-5.96)	950 (350-1,910)	4.2 (1.5- 8.4)
	20+25	2.00	2.50			4.50 (1.88-6.23)	1,180 (350-2,140)	5.2 (1.5- 9.4)
	20+35	1.89	3.31			5.20 (1.88-6.24)	1,550 (350-2,140)	6.8 (1.5- 9.4)
	20+50	1.49	3.71			5.20 (1.88-6.91)	1,280 (350-2,070)	5.6 (1.5- 9.1)
	25+25	2.50	2.50			5.00 (1.88-6.23)	1,450 (350-2,140)	6.4 (1.5- 9.4)
	25+35	2.17	3.03			5.20 (1.88-6.35)	1,550 (350-2,250)	6.8 (1.5- 9.9)
	25+50	1.73	3.47			5.20 (1.88-6.91)	1,280 (350-2,070)	5.6 (1.5- 9.1)
	35+35	2.60	2.60			5.20 (1.88-6.40)	1,550 (350-2,250)	6.8 (1.5- 9.9)
	35+50	2.14	3.06			5.20 (1.88-6.92)	1,260 (350-2,080)	5.6 (1.5- 9.2)
	20+20+20	1.73	1.73	1.73		5.19 (1.86-7.04)	1,240 (350-2,160)	5.4 (1.5- 9.5)
	20+20+25	1.60	1.60	1.99		5.19 (1.86-7.04)	1,240 (350-2,160)	5.4 (1.5- 9.5)
	20+20+35	1.38	1.38	2.43		5.19 (1.95-7.06)	1,240 (370-2,160)	5.4 (1.6- 9.5)
	20+25+25	1.49	1.85	1.85		5.19 (1.86-7.04)	1,240 (350-2,160)	5.4 (1.5- 9.5)
	20+25+35	1.30	1.63	2.27		5.20 (1.95-7.06)	1,240 (370-2,160)	5.4 (1.6- 9.5)
	20+35+35	1.16	2.02	2.02		5.20 (1.95-7.07)	1,240 (370-2,160)	5.4 (1.6- 9.5)
	25+25+25	1.73	1.73	1.73		5.19 (1.95-7.04)	1,240 (370-2,160)	5.4 (1.6- 9.5)
25+25+35	1.53	1.53	2.14		5.20 (1.95-7.06)	1,230 (370-2,160)	5.4 (1.6- 9.5)	
20+20+50	1.16	1.16	2.88		5.20 (2.04-7.30)	1,220 (390-2,190)	5.4 (1.7- 9.6)	
3MXS52EVMA <b>Công suất sưởi</b>	20	2.72				2.72 (1.21-3.75)	720 (300-1,200)	3.3 (1.4- 5.4)
	25	3.40				3.40 (1.21-4.00)	990 (300-1,260)	4.4 (1.3- 5.6)
	35	4.20				4.20 (1.21-4.82)	1,390 (300-1,680)	6.2 (1.3- 7.5)
	50	5.80				5.80 (1.30-6.79)	1,740 (300-2,510)	7.6 (1.3-11.0)
	20+20	3.05	3.05			6.10 (1.28-7.00)	1,700 (310-2,280)	7.5 (1.4-10.0)
	20+25	2.78	3.47			6.25 (1.28-7.00)	1,750 (310-2,280)	7.7 (1.4-10.0)
	20+35	2.38	4.17			6.55 (1.34-7.04)	1,860 (310-2,280)	8.2 (1.4-10.0)
	20+50	1.94	4.86			6.80 (1.36-7.95)	1,520 (310-2,220)	6.7 (1.4- 9.7)
	25+25	3.25	3.25			6.50 (1.28-7.00)	1,860 (310-2,310)	8.2 (1.4-10.1)
	25+35	2.79	3.97			6.70 (1.34-7.19)	1,930 (310-2,360)	8.5 (1.4-10.4)
	25+50	2.27	4.53			6.80 (1.42-7.95)	1,520 (310-2,220)	6.7 (1.4- 9.7)
	35+35	3.40	3.40			6.80 (1.40-7.22)	1,970 (310-2,350)	8.7 (1.4-10.3)
	35+50	2.80	4.00			6.80 (1.42-7.98)	1,520 (310-2,210)	6.7 (1.4- 9.7)
	20+20+20	2.26	2.26	2.26		6.78 (1.34-8.02)	1,570 (320-2,140)	6.9 (1.4- 9.4)
	20+20+25	2.09	2.09	2.60		6.78 (1.34-8.02)	1,570 (320-2,140)	6.9 (1.4- 9.4)
	20+20+35	1.80	1.80	3.18		6.78 (1.45-8.05)	1,560 (320-2,140)	6.9 (1.4- 9.4)
	20+25+25	1.94	2.42	2.42		6.78 (1.34-8.02)	1,570 (320-2,140)	6.9 (1.4- 9.4)
	20+25+35	1.70	2.13	2.97		6.80 (1.57-8.05)	1,560 (320-2,140)	6.9 (1.4- 9.4)
	20+35+35	1.52	2.64	2.64		6.80 (1.56-8.08)	1,560 (320-2,140)	6.9 (1.4- 9.4)
	25+25+25	2.26	2.26	2.26		6.78 (1.45-8.02)	1,570 (320-2,140)	6.9 (1.4- 9.4)
25+25+35	2.00	2.00	2.80		6.80 (1.57-8.05)	1,560 (320-2,140)	6.9 (1.4- 9.4)	
20+20+50	1.51	1.51	3.78		6.80 (1.64-8.30)	1,420 (320-2,040)	6.2 (1.4- 9.0)	









Dàn nóng	Các kết hợp dàn lạnh	Công suất của mỗi dàn lạnh (kW)					Tổng công suất (KW) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)	Tổng điện năng tiêu thụ (W) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)	Dòng điện tổng (A) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)
		Phòng A	Phòng B	Phòng C	Phòng D	Phòng E			
		20+50+50	1.84	4.58	4.58				
20+50+60	1.69	4.23	5.08			11.00 (2.79-12.14)	2,670 (440-3,340)	11.5 (1.9-14.4)	
20+50+71	1.56	3.90	5.54			11.00 (2.78-12.13)	2,580 (440-3,220)	11.1 (1.9-13.9)	
20+60+60	1.58	4.71	4.71			11.00 (2.79-12.14)	2,640 (440-3,300)	11.3 (1.9-14.2)	
20+60+71	1.46	4.37	5.17			11.00 (2.78-12.12)	2,560 (440-3,190)	11.0 (1.9-13.8)	
25+25+25	3.07	3.07	3.07			9.20 (2.81-11.64)	2,330 (460-3,400)	10.0 (2.0-14.7)	
25+25+35	2.86	2.86	3.99			9.71 (2.81-11.78)	2,460 (460-3,450)	10.6 (2.0-14.9)	
25+25+50	2.62	2.62	5.24			10.48 (2.80-12.14)	2,630 (450-3,600)	11.3 (2.0-15.5)	
25+25+60	2.50	2.50	6.00			11.00 (2.80-12.15)	2,820 (450-3,550)	12.1 (2.0-15.3)	
25+25+71	2.27	2.27	6.46			11.00 (2.80-12.14)	2,720 (450-3,410)	11.7 (2.0-14.7)	
25+35+35	2.69	3.77	3.77			10.23 (2.81-12.14)	2,640 (460-3,710)	11.3 (2.0-16.0)	
25+35+50	2.50	3.50	5.00			11.00 (2.80-12.15)	2,810 (450-3,540)	12.1 (2.0-15.3)	
25+35+60	2.29	3.21	5.50			11.00 (2.80-12.15)	2,770 (450-3,490)	11.9 (2.0-15.0)	
25+35+71	2.10	2.94	5.96			11.00 (2.79-12.14)	2,680 (440-3,360)	11.5 (1.9-14.5)	
25+50+50	2.20	4.40	4.40			11.00 (2.79-12.14)	2,700 (450-3,380)	11.6 (2.0-14.6)	
25+50+60	2.04	4.07	4.89			11.00 (2.79-12.14)	2,670 (440-3,340)	11.5 (1.9-14.4)	
25+50+71	1.88	3.77	5.35			11.00 (2.78-12.13)	2,580 (440-3,220)	11.1 (1.9-13.9)	
25+60+60	1.90	4.55	4.55			11.00 (2.79-12.14)	2,640 (440-3,300)	11.3 (1.9-14.2)	
25+60+71	1.76	4.23	5.01			11.00 (2.78-12.12)	2,560 (440-3,190)	11.0 (1.9-13.8)	
35+35+35	3.58	3.58	3.58			10.74 (2.80-12.14)	2,770 (450-3,640)	11.9 (2.0-15.7)	
35+35+50	3.21	3.21	4.58			11.00 (2.80-12.15)	2,760 (450-3,470)	11.9 (2.0-15.0)	
35+35+60	2.96	2.96	5.08			11.00 (2.80-12.15)	2,730 (450-3,430)	11.7 (2.0-14.8)	
35+35+71	2.73	2.73	5.54			11.00 (2.79-12.14)	2,640 (440-3,300)	11.3 (1.9-14.2)	
35+50+50	2.86	4.07	4.07			11.00 (2.79-12.14)	2,660 (440-3,330)	11.4 (1.9-14.4)	
35+50+60	2.66	3.79	4.55			11.00 (2.79-12.13)	2,630 (440-3,290)	11.3 (1.9-14.2)	
35+50+71	2.47	3.53	5.00			11.00 (2.78-12.12)	2,550 (440-3,180)	11.0 (1.9-13.7)	
35+60+60	2.48	4.26	4.26			11.00 (2.78-12.13)	2,600 (440-3,250)	11.2 (1.9-14.0)	
50+50+50	3.67	3.67	3.67			11.00 (2.78-12.12)	2,560 (440-3,200)	11.0 (1.9-13.8)	
20+20+20+20	2.41	2.41	2.41	2.41		9.62 (3.10-11.70)	2,170 (490-2,940)	9.3 (2.2-12.7)	
20+20+20+25	2.34	2.34	2.34	2.94		9.96 (3.10-11.83)	2,260 (490-3,030)	9.7 (2.2-13.1)	
20+20+20+35	2.24	2.24	2.24	3.93		10.65 (3.09-12.50)	2,470 (490-3,650)	10.6 (2.2-15.7)	
20+20+20+50	2.00	2.00	2.00	5.00		11.00 (3.08-12.50)	2,490 (480-3,520)	10.7 (2.1-15.2)	
20+20+20+60	1.83	1.83	1.83	5.51		11.00 (3.08-12.50)	2,470 (480-3,490)	10.6 (2.1-15.0)	
20+20+20+71	1.68	1.68	1.68	5.96		11.00 (3.06-12.50)	2,460 (480-3,390)	10.6 (2.1-14.6)	
20+20+25+25	2.29	2.29	2.86	2.86		10.31 (3.10-12.50)	2,360 (490-3,710)	10.1 (2.2-16.0)	
20+20+25+35	2.20	2.20	2.75	3.85		11.00 (3.09-12.50)	2,570 (490-3,650)	11.0 (2.2-15.7)	
20+20+25+50	1.91	1.91	2.39	4.79		11.00 (3.08-12.50)	2,490 (480-3,520)	10.7 (2.1-15.2)	
20+20+25+60	1.76	1.76	2.20	5.28		11.00 (3.08-12.50)	2,470 (480-3,490)	10.6 (2.1-15.0)	
20+20+25+71	1.62	1.62	2.02	5.74		11.00 (3.06-12.50)	2,460 (480-3,390)	10.6 (2.1-14.6)	
20+20+35+35	2.00	2.00	3.50	3.50		11.00 (3.09-12.50)	2,530 (490-3,600)	10.9 (2.2-15.5)	
20+20+35+50	1.76	1.76	3.08	4.40		11.00 (3.07-12.50)	2,460 (480-3,470)	10.6 (2.1-15.0)	
20+20+35+60	1.63	1.63	2.85	4.89		11.00 (3.07-12.50)	2,440 (480-3,440)	10.5 (2.1-14.8)	
20+20+35+71	1.51	1.51	2.64	5.34		11.00 (3.06-12.50)	2,430 (470-3,360)	10.4 (2.1-14.5)	
20+20+50+50	1.57	1.57	3.93	3.93		11.00 (3.06-12.50)	2,440 (480-3,370)	10.5 (2.1-14.5)	
20+20+50+60	1.47	1.47	3.67	4.39		11.00 (3.05-12.50)	2,430 (470-3,350)	10.4 (2.1-14.4)	
20+25+25+25	2.25	2.80	2.80	2.80		10.65 (3.10-12.50)	2,500 (490-3,710)	10.7 (2.2-16.0)	
20+25+25+35	2.10	2.62	2.62	3.66		11.00 (3.09-12.50)	2,570 (490-3,650)	11.0 (2.2-15.7)	
20+25+25+50	1.83	2.29	2.29	4.59		11.00 (3.08-12.50)	2,490 (480-3,520)	10.7 (2.1-15.2)	
20+25+25+60	1.69	2.12	2.12	5.07		11.00 (3.08-12.50)	2,470 (480-3,490)	10.6 (2.1-15.0)	
20+25+25+71	1.56	1.95	1.95	5.54		11.00 (3.06-12.50)	2,460 (480-3,390)	10.6 (2.1-14.6)	
20+25+35+35	1.91	2.39	3.35	3.35		11.00 (3.09-12.50)	2,530 (490-3,600)	10.9 (2.2-15.5)	
20+25+35+50	1.69	2.12	2.96	4.23		11.00 (3.07-12.50)	2,460 (480-3,470)	10.6 (2.1-15.0)	
20+25+35+60	1.57	1.96	2.75	4.72		11.00 (3.07-12.50)	2,440 (480-3,440)	10.5 (2.1-14.8)	
20+25+35+71	1.46	1.82	2.55	5.17		11.00 (3.06-12.50)	2,430 (470-3,360)	10.4 (2.1-14.5)	
20+25+50+50	1.52	1.90	3.79	3.79		11.00 (3.06-12.50)	2,440 (480-3,370)	10.5 (2.1-14.5)	
20+25+50+60	1.42	1.77	3.55	4.26		11.00 (3.05-12.50)	2,430 (470-3,350)	10.4 (2.1-14.4)	
20+35+35+35	1.76	3.08	3.08	3.08		11.00 (3.08-12.50)	2,500 (490-3,550)	10.7 (2.2-15.3)	
20+35+35+50	1.57	2.75	2.75	3.93		11.00 (3.07-12.50)	2,430 (480-3,430)	10.4 (2.1-14.8)	
20+35+35+60	1.47	2.57	2.57	4.39		11.00 (3.06-12.50)	2,420 (480-3,400)	10.4 (2.1-14.7)	
20+35+50+50	1.42	2.48	3.55	3.55		11.00 (3.05-12.50)	2,420 (470-3,340)	10.4 (2.1-14.4)	
25+25+25+25	2.75	2.75	2.75	2.75		11.00 (3.10-12.50)	2,600 (490-3,710)	11.2 (2.2-16.0)	
25+25+25+35	2.50	2.50	2.50	3.50		11.00 (3.09-12.50)	2,570 (490-3,650)	11.0 (2.2-15.7)	
25+25+25+50	2.20	2.20	2.20	4.40		11.00 (3.08-12.50)	2,490 (480-3,520)	10.7 (2.1-15.2)	
25+25+25+60	2.04	2.04	2.04	4.88		11.00 (3.08-12.50)	2,470 (480-3,490)	10.6 (2.1-15.0)	
25+25+25+71	1.88	1.88	1.88	5.36		11.00 (3.06-12.50)	2,460 (480-3,390)	10.6 (2.1-14.6)	
25+25+35+35	2.29	2.29	3.21	3.21		11.00 (3.09-12.50)	2,530 (490-3,600)	10.9 (2.2-15.5)	
25+25+35+50	2.04	2.04	2.85	4.07		11.00 (3.07-12.50)	2,460 (480-3,470)	10.6 (2.1-15.0)	
25+25+35+60	1.90	1.90	2.66	4.54		11.00 (3.07-12.50)	2,440 (480-3,440)	10.5 (2.1-14.8)	
25+25+35+71	1.76	1.76	2.47	5.01		11.00 (3.06-12.50)	2,430 (470-3,360)	10.4 (2.1-14.5)	
25+25+50+50	1.83	1.83	3.67	3.67		11.00 (3.06-12.50)	2,440 (480-3,370)	10.5 (2.1-14.5)	
25+35+35+35	2.12	2.96	2.96	2.96		11.00 (3.08-12.50)	2,500 (490-3,550)	10.7 (2.2-15.3)	
25+35+35+50	1.90	2.66	2.66	3.78		11.00 (3.07-12.50)	2,430 (480-3,430)	10.4 (2.1-14.8)	
25+35+35+60	1.77	2.48	2.48	4.27		11.00 (3.06-12.50)	2,420 (480-3,400)	10.4 (2.1-14.7)	

5MXS100LVMA  
Công suất sưởi

Dàn nóng	Các kết hợp dàn lạnh	Công suất của mỗi dàn lạnh (kW)					Tổng công suất (KW) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)	Tổng điện năng tiêu thụ (W) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)	Dòng điện tổng (A) Định mức (Tối thiểu-Tối đa)
		Phòng A	Phòng B	Phòng C	Phòng D	Phòng E			
		35+35+35+35	2.75	2.75	2.75	2.75			
35+35+35+50	2.48	2.48	2.48	3.56		11.00 (3.06-12.50)	2,460 (480-3,390)	10.6 (2.1-14.6)	
20+20+20+20+20	2.20	2.20	2.20	2.20	2.20	11.00 (3.50-12.70)	2,400 (550-3,690)	10.3 (2.4-15.9)	
20+20+20+20+25	2.10	2.10	2.10	2.10	2.60	11.00 (3.50-12.70)	2,400 (550-3,690)	10.3 (2.4-15.9)	
20+20+20+20+35	1.91	1.91	1.91	1.91	3.36	11.00 (3.50-12.70)	2,380 (550-3,670)	10.2 (2.4-15.8)	
20+20+20+20+50	1.69	1.69	1.69	1.69	4.24	11.00 (3.50-12.70)	2,390 (540-3,610)	10.3 (2.4-15.6)	
20+20+20+20+60	1.57	1.57	1.57	1.57	4.72	11.00 (3.50-12.70)	2,380 (540-3,600)	10.2 (2.4-15.5)	
20+20+20+20+71	1.46	1.46	1.46	1.46	5.16	11.00 (3.50-12.70)	2,370 (530-3,590)	10.2 (2.3-15.5)	
20+20+20+25+25	2.00	2.00	2.00	2.50	2.50	11.00 (3.50-12.70)	2,400 (550-3,690)	10.3 (2.4-15.9)	
20+20+20+25+35	1.83	1.83	1.83	2.29	3.22	11.00 (3.50-12.70)	2,380 (550-3,670)	10.2 (2.4-15.8)	
20+20+20+25+50	1.63	1.63	1.63	2.04	4.07	11.00 (3.50-12.70)	2,390 (540-3,610)	10.3 (2.4-15.6)	
20+20+20+25+60	1.52	1.52	1.52	1.90	4.54	11.00 (3.50-12.70)	2,380 (540-3,600)	10.2 (2.4-15.5)	
20+20+20+25+71	1.41	1.41	1.41	1.76	5.01	11.00 (3.50-12.70)	2,370 (530-3,590)	10.2 (2.3-15.5)	
20+20+20+35+35	1.69	1.69	1.69	2.96	2.96	11.00 (3.50-12.70)	2,370 (540-3,640)	10.2 (2.4-15.7)	
20+20+20+35+50	1.52	1.52	1.52	2.66	3.78	11.00 (3.50-12.70)	2,380 (540-3,600)	10.2 (2.4-15.5)	
20+20+20+35+60	1.42	1.42	1.42	2.48	4.26	11.00 (3.50-12.70)	2,380 (530-3,590)	10.2 (2.3-15.5)	
20+20+25+25+25	1.91	1.91	2.39	2.39	2.39	11.00 (3.50-12.70)	2,400 (550-3,690)	10.3 (2.4-15.9)	
20+20+25+25+35	1.76	1.76	2.20	2.20	3.08	11.00 (3.50-12.70)	2,380 (550-3,670)	10.2 (2.4-15.8)	
20+20+25+25+50	1.57	1.57	1.96	1.96	3.94	11.00 (3.50-12.70)	2,390 (540-3,610)	10.3 (2.4-15.6)	
20+20+25+25+60	1.47	1.47	1.83	1.83	4.40	11.00 (3.50-12.70)	2,380 (540-3,600)	10.2 (2.4-15.5)	
20+20+25+35+35	1.63	1.63	2.04	2.85	2.85	11.00 (3.50-12.70)	2,370 (540-3,640)	10.2 (2.4-15.7)	
20+20+25+35+50	1.47	1.47	1.83	2.57	3.66	11.00 (3.50-12.70)	2,380 (540-3,600)	10.2 (2.4-15.5)	
20+20+35+35+35	1.51	1.51	2.66	2.66	2.66	11.00 (3.50-12.70)	2,350 (540-3,620)	10.1 (2.4-15.6)	
20+25+25+25+25	1								

